

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 53

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 47 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành viên	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61005161/19357308-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

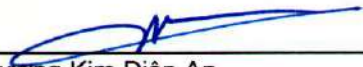
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGÂN HẠN		38.496.762.168	34.768.113.901
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	450.085.202	989.892.637
111	1. Tiền		450.085.202	987.892.637
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.1	521.287.535	496.042.631
121	1. Chứng khoán kinh doanh		300.322.358	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	220.965.177	195.720.273
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	8.351.136.758	5.908.118.212
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		3.523.855.542	2.231.994.490
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.147.068.481	3.123.482.462
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	103.064.848	9.144.848
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.598.625.934	561.561.021
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(24.536.344)	(20.170.535)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.058.297	2.105.926
140	IV. Hàng tồn kho	11	27.570.776.776	26.463.181.213
141	1. Hàng tồn kho		27.642.648.117	26.969.467.719
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(71.871.341)	(506.286.506)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	18	1.603.475.897	910.879.208
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		135.151.851	230.228.138
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	22	1.423.645.555	643.038.556
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu	22	44.678.491	37.612.514
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.041.083.881	19.180.866.115
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	10	148.511.845	124.210.364
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		30.827.949	16.497.949
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	117.933.896	107.887.415
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(250.000)	(175.000)
220	II. Tài sản cố định	12	8.454.171.155	8.156.397.042
221	1. Tài sản cố định hữu hình		4.131.441.618	4.164.513.802
222	Nguyên giá		7.534.682.717	6.851.174.419
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.403.241.099)	(2.686.660.617)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.322.729.537	3.991.883.240
228	Nguyên giá		4.484.551.208	4.097.746.427
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(161.821.671)	(105.863.187)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	573.682.315	367.892.601
231	1. Nguyên giá		584.135.880	370.361.679
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(10.453.565)	(2.469.078)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	16	7.740.926.828	4.468.255.761
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		7.740.926.828	4.468.255.761
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	17.1	69.170.610	27.159.479
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		6.670.241	6.639.479
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	62.500.369	62.500.369
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17.2	-	(41.980.369)
260	VI. Tài sản dài hạn khác	18	5.054.621.128	6.036.950.868
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		427.479.356	506.654.232
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	34.3	-	26.533.271
269	3. Lợi thế thương mại	19	4.627.141.772	5.503.763.365
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		60.537.846.049	53.948.980.016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		33.937.003.294	30.673.423.999
310	I. Nợ ngắn hạn		31.919.595.394	27.140.392.261
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	7.234.326.905	7.197.978.712
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	3.288.023.858	3.966.259.498
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	947.744.933	1.248.150.050
314	4. Phải trả người lao động		1.041.733	21.288.280
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	1.174.370.120	632.420.100
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.598.422	2.185.764
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	331.562.052	189.159.696
320	8. Vay ngắn hạn	25	18.879.411.048	13.794.837.965
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	26	51.455.001	85.489.362
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.061.322	2.622.834
330	II. Nợ dài hạn		2.017.407.900	3.533.031.738
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	40.718
333	2. Chi phí phải trả dài hạn		56.084	
337	3. Phải trả dài hạn khác	24	4.140.832	10.347.625
338	4. Vay dài hạn	25	1.676.612.332	3.125.880.082
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	301.223.736	378.868.208
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		35.374.916	17.895.105
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.600.842.755	23.275.556.017
410	I. Vốn chủ sở hữu		26.600.842.755	23.275.556.017
411	1. Vốn cổ phần	27.1	16.580.000.000	4.145.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.580.000.000	4.145.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	29.878.837	2.998.618.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	27.1	15.799.800	5.212.200
415	4. Cổ phiếu quỹ	27.1	-	(6.840.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	3.939.067	(1.534.881)
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	8.633.342.635	15.393.263.002
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.322.360.494	7.494.280.252
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		5.310.982.141	7.898.982.750
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27.6	1.337.882.416	741.836.859
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		60.537.846.049	53.948.980.016

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	49.701.516.909	59.241.099.024
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(53.177.778)	(77.861.312)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	49.648.339.131	59.163.237.712
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29, 33	(40.483.688.680)	(47.805.415.012)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.164.650.451	11.357.822.700
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	413.213.458	1.565.737.819
22	7. Chi phí tài chính	31	(910.345.614)	(1.104.926.653)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	31	(548.991.467)	(509.258.105)
24	8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết		30.762	(16.624.853)
25	9. Chi phí bán hàng	30, 33	(1.645.275.242)	(1.800.168.661)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30, 33	(1.651.947.616)	(1.508.242.094)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.370.326.199	8.493.598.258
31	12. Thu nhập khác	32	284.644.829	194.666.612
32	13. Chi phí khác	32	(190.223.925)	(157.528.159)
40	14. Lợi nhuận khác	32	94.420.904	37.138.453
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.464.747.103	8.530.736.711
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.2	(515.827.850)	(549.068.587)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	51.111.201	11.003.491
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.000.030.454	7.992.671.615
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		4.898.217.646	7.898.982.750
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		101.812.808	93.688.865
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.5	2.957	4.784
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	27.5	2.957	4.784

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.464.747.103	8.530.736.711
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13, 14, 19	1.484.550.418	1.242.149.660
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(505.989.086)	469.791.175
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		197.115.600	170.391.961
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		120.723.091	(720.834.019)
06	Chi phí lãi vay	31	548.991.467	509.258.105
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.310.138.593	10.201.493.593
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.410.080.417)	3.079.300.623
10	Tăng hàng tồn kho		(290.054.240)	(2.805.740.292)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(355.483.238)	3.720.235.556
12	Giảm chi phí trả trước		174.251.163	27.669.638
14	Tiền lãi vay đã trả		(962.715.716)	(1.308.798.818)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	34.2	(579.044.045)	(458.793.068)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.545.084)	(2.924.352)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.874.467.016	12.452.442.880
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(5.467.488.309)	(4.707.578.190)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		48.628.039	115.451.163
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay		(123.244.904)	(41.979.873)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		4.080.000	2.973.051
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(23.193.381)	(9.025.794.502)
27	Lãi tiền gửi và cho vay nhận được		19.658.510	17.693.744
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.541.560.045)	(13.639.234.607)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		22.500.000	1.357.424.200
33	Tiền thu từ đi vay		48.536.293.031	47.170.640.028
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(44.907.103.813)	(45.779.255.160)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	27.3	(2.485.935.561)	(1.244.882.217)
37	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(38.529.218)	(13.148.330)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.127.224.439	1.490.778.521
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(539.868.590)	303.986.794
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		989.892.637	685.888.556
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61.155	17.287
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	450.085.202	989.892.637


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 30 tháng 3 năm 2018